

05 / 04 ~ 05 / 07 日 2023 第 16 屆彰化公開賽 參賽名單

PLAYER LIST

112.04.30 13:50 TPGA 羅仕鈞

No.	NAME	NAT.	No.	NAME	NAT.	No.	NAME	NAT.
1	洪健堯	TWN	49	蔣宸翹	TWN	97	蘇清安	TWN
2	劉嚴鴻	TWN	50	江以安	TWN	98	王人立	TWN
3	王偉軒	TWN	51	李謹州	TWN	99	何易叡	TWN
4	何祐誠	TWN	52	丁子軒	TWN	100	張澤鵬	TWN
5	葉昱辰	TWN	53	林義淵	TWN	101	李家豪	TWN
6	謝繼賢	TWN	54	王宥崴	TWN	102	吳致誼	TWN
7	林冠伯	TWN	55	連驪森	TWN	103	楊 豪	TWN
8	王偉祥	TWN	56	彭弘瑾	TWN	104	許智傑	TWN
9	黃 頌	TWN	57	王士瑞	TWN	105	陳暉泓	TWN
10	高 藤	TWN	58	方傳崴	TWN	106	蕭和宇	TWN
11	謝東宏	TWN	59	詹佳翰	TWN	107	高尚宏	TWN
12	林文堂	TWN	60	伴 翔太郎	TWN	108	葉偉志	TWN
13	陳裔東	TWN	61	李士鴻	TWN	109	曾子軒	TWN
14	盧建順	TWN	62	林遠惟	TWN	110	陳宥蓁	TWN
15	呂偉智	TWN	63	蔡雨達	USA	111	林澄洋	TWN
16	沙比亞特·馬克	TWN	64	張建棋	TWN	112	黃東樑	TWN
17	林永龍	TWN	65	曾豐棟	TWN	113	鄭岱霖	TWN
18	黃議增	TWN	66	陳鳴悒	TWN	114	辜柏雲	TWN
19	廖煥鈞	TWN	67	林宸駒	TWN	115	張奇偉	TWN
20	沈威成	TWN	68	林晟毓	TWN	116	蘇文祥	TWN
21	黃冠勳	TWN	69	林 緯	TWN	117	郭峯銓	TWN
22	呂文德52	TWN	70	林大鎬	TWN	118	范揚嘉	TWN
23	卓宗霖	TWN	71	陳伯豪	TWN	119	陳志宏	TWN
24	陳威勝	TWN	72	李卓全	TWN	120	楊文來	TWN
25	林耕緯	TWN	73	施俊宇	TWN	121	徐國雄	TWN
26	蔡凱任	TWN	74	謝錦昇	TWN	122	蘇彥璋	TWN
27	余松柏	TWN	75	陳奕騫	TWN	123	陳逸祐	TWN
28	溫楨祥	TWN	76	洪昭鑫	TWN	124	洪家煜	TWN
29	方胤人	TWN	77	許閔軒	TWN	125	周宏男	TWN
30	許立朋	TWN	78	王子銘	TWN	126	張庭嘉	TWN
31	許育誠	TWN	79	葉彭廷	TWN	127	林為超	TWN
32	劉永華	TWN	80	許智凱	TWN	128	楊浚頡	TWN
33	賴嘉一	TWN	81	陳傑生	TWN	129	林尚澤	TWN
34	林張恆	TWN	82	呂孫儀	TWN	130	翁永田	TWN
35	劉又睿	TWN	83	葉 甫	TWN	131	林福進	TWN
36	曾子豪	TWN	84	許孟男	TWN	132	胡 克	TWN
37	蔡宗佑	TWN	85	洪瑞誠	TWN	133	曾金發	TWN
38	黃祥豪	TWN	86	陳科壹	TWN	134	陳國俊	TWN
39	邱瀚霆	TWN	87	蔡辰錯	TWN	135	黃志浪	TWN
40	賴韋綸	TWN	88	李威霖	TWN	136	林吉祥	TWN
41	張哲瑜	TWN	89	邱昱嘉	TWN	137	陳瑋利 A	TWN
42	范姜皓詮	TWN	90	陳志忠	TWN	138	李睿紳 A	TWN
43	楊斐皓	TWN	91	張耀濱	TWN	139	廖崇漢 A	TWN
44	何勁宏	TWN	92	王璽安	TWN	140	徐兆維 A	TWN
45	黃韋豪	TWN	93	曾宏勝	TWN	141	楊孝哲 A	TWN
46	鄭存宸	TWN	94	李昭樺	TWN	142	林翊丞 A	TWN
47	汪德昌	TWN	95	洪駿剛	TWN	143	張祐愷 A	TWN
48	劉澤森	TWN	96	謝旻軒	TWN	144	許維宸 A	TWN